

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2020.

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tường Vy.
 - *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Phạm Văn Thành;
 2. Bà Lại Thị Thúy Hằng.
 - *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Tuấn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.
 - *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.
- Ngày 09/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 98/2020/LTST- HNGĐ ngày 03/3/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/8/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự :
1. Nguyên đơn: bà Phạm Thị L, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ.
 2. Bị đơn: ông Mai Văn H, sinh năm 1976; Nơi cư trú cuối cùng: ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ.

(Bà Lân có mặt, ông Hưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 27/2/2020, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu, thương yêu nhau, bà và ông Mai Văn H tiến tới hôn nhân với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đ vào năm 2014. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2014 thì xảy ra mâu thuẫn, do ông H không chịu làm ăn mà hay tụ tập bạn bè ăn nhậu, trong một lần cãi nhau khoảng tháng 10 năm 2014 ông H đã gom đồ dùng cá nhân bỏ đi biệt tích từ đó đến nay không quay về, bà L đã làm đơn yêu cầu và được Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ chấp nhận tuyên bố ông Mai Văn H mất tích theo Quyết định số 10/2020/QĐST - DS ngày 21/10/2019. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Mai Văn H.

- Về con chung: Không có;
- Tài sản chung và nợ chung: không có.
- * Bị đơn ông Mai Văn H vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ.
- * Các tài liệu, chứng cứ:

- Tài liệu do nguyên đơn bà Phạm Thị L cung cấp: bản tự khai; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (bản sao chứng thực); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), Quyết định giải quyết việc dân sự số: 10/2020/QĐST - DS ngày 21/10/2019 “v/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích”;

* Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng tại phiên tòa chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng. Tuy nhiên, biên bản phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ Tòa án lập nội dung còn thiếu so với quy định tại khoản 2 Điều 210 BLTTDS.

Về quan điểm giải quyết vụ án: chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H, con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Mai Văn H, nên đây là vụ kiện: “Ly hôn,” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Lân có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông H nên bà L là nguyên đơn, ông H là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: ông Mai Văn H có nơi cư trú cuối cùng tại ấp 1, xã X, huyện C, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cẩm Mỹ theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: ông Mai Văn H bị Tòa án huyện Cẩm Mỹ tuyên bố mất tích nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai triệu tập họp lệ ông Mai Văn H đến Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp.

[4] Về pháp luật áp dụng: Bà Phạm Thị L và ông Mai Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2014, nên pháp luật áp dụng để xem xét tính hợp pháp về quan hệ hôn nhân của ông bà là Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Đối với căn cứ pháp luật cho ly hôn: do bà làm đơn yêu cầu ly hôn vào tháng 02/2020, nên pháp luật áp dụng để giải quyết cho bà L ly hôn là theo Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014, bà Phạm Thị L và ông Mai Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã X theo giấy chứng nhận kết hôn số 12/2014, ký ngày 21 tháng 3 năm 2014 của UBND xã X nên căn cứ Điều 9, 11 và Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[6] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L nhận thấy: Ông Mai Văn H bị Tòa án huyện Cẩm Mỹ tuyên bố mất tích tại Quyết định giải quyết việc dân sự số: 10/2020/QĐST- DS ngày 21/10/2019 nên căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H.

[7] Về con chung: Không có, nên không xem xét.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: bà L xác định không có, do ông H vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

* Đề nghị của đại diện VKS huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận xem xét.

Về án phí: bà Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí DSST về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật TTDS.

Căn cứ Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật HN&GD năm 2000; Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 131 của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Mai Văn H.

2. Về con chung: không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: bà Phạm Thị L phải nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí DSST về ly hôn. Khấu trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tạm ứng án phí bà L đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0001898 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ. Bà L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VSKND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Xuân Đường (12/2014)
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Tường Vy